

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày: 29-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Huân;
2. Ông Nguyễn Tấn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 240/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-DS ngày 18/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-DS ngày 08/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1974; HKTT: Ấp A, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1987; HKTT: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà T cung cấp các tài liệu, chứng cứ và yêu cầu như sau:

Vào ngày 03/3/2020, bà T có cho ông H vay số tiền 400.000.000 đồng; lãi suất thỏa thuận là 2%, thời gian vay ông H hẹn ngày 03/4/2020 trả. Tuy nhiên, đến hẹn ông H không trả nợ; kéo dài nợ đến 14.8.2020, ông H trả được 100.000.000 đồng. Ngày 14/8/2020, bà T và ông H lập lại hợp đồng mới (bỏ hợp đồng gốc ngày 03.3.2020); hợp đồng này ông H hẹn lại ngày 04.9.2020 trả hết

nợ. Tuy nhiên, ông H vẫn tiếp tục vi phạm thoả thuận. Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông H trả nợ nhưng chỉ trả được cho bà T 200.000.000 đồng còn nợ lại 100.000.000 đồng. Ông H không trả được phần nợ lãi nào.

Nay bà T khởi kiện ông H ra Tòa. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông H trả số tiền còn lại 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 05/9/2020 đến khi xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng trong vòng 16 tháng. Phần tiền lãi tính từ ngày 04/4/2020 đến 4/9/2020 bà T rút lại yêu cầu.

Chứng cứ là bản phô tô “hợp đồng cho vay và vay tiền” ngày 03/3/2020 và bản chính “hợp đồng cho vay và vay tiền” ngày 14.8.2020.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông H vắng mặt trong toàn bộ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt nên đề nghị Tòa án vẫn tiếp tục xét xử. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản).

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị buộc ông H trả cho bà T số tiền còn lại 100.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 05/9/2020 đến khi xét xử với mức lãi suất 0,83%/tháng trong vòng 16 tháng.

Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

Đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2021, Chứng minh nhân dân của nguyên đơn (bản sao); sổ hộ khẩu nguyên đơn (bản sao); Bản tự khai; hợp đồng cho vay và vay tiền ngày 14/8/2020 (*hợp đồng này thay thế cho hợp đồng cho vay và vay tiền ngày 03/3/2020 bản phô tô*).

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản). Bị đơn có nơi cư trú tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tại phiên tòa, bà H rút lại một phần yêu cầu tính lãi suất từ ngày 04/4/2020 đến ngày 04/9/2020 là tự nguyện và phù hợp với Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xem xét phần khởi kiện này của bà T.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn đã được niêm yết công khai giấy “hợp đồng cho vay và vay tiền ngày 14/8/2020” cùng tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử tại nơi cư trú (ông H cư trú cùng nhà với cha ruột là ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963 ấp B, xã C), ủy ban nhân dân xã C và trụ sở TAND huyện Dầu Tiếng nhưng ông H vẫn không có mặt để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông H. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà T khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền 100.000.000 đồng. Chứng cứ do bà T cung cấp gồm giấy “hợp đồng cho vay và vay tiền ngày 14/8/2020” thể hiện ông H có vay bà T số tiền 300.000.000 đồng; hạn trả hết nợ ngày 04/9/2020. Bà T tự xác định ông H đã trả cho bà T 200.000.000 đồng và chỉ còn còn nợ 100.000.000 đồng. Bà T thừa nhận việc ông H đã trả nợ là có lợi cho ông H và phù hợp với chứng cứ nên tình tiết bị đơn đã trả cho nguyên đơn 200.000.000 đồng là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Có chứng cứ chứng minh ông H còn nợ bà T 100.000.000 đồng.

Khi khởi kiện bà T yêu cầu ông H trả tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 04.4.2020 nhưng tại phiên tòa, bà T xác định lại chỉ yêu cầu ông H trả tiền lãi phát sinh từ sau ngày 04/9/2020 là ngày 05/9/2020 đến khi xét xử là 16 tháng mức lãi suất 0,83% với số tiền 13.280.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận định yêu cầu này của bà T phù hợp với thỏa thuận trong giấy “hợp đồng cho vay và vay tiền ngày 14/8/2020” thể hiện thời hạn trả nợ là 04/9/2020 nhưng ông H không trả hết nợ là ông H vi phạm nghĩa vụ của bên vay, bà T yêu cầu tính lãi suất và mức lãi suất có căn cứ, đúng quy định tại Điều 468 BLDS năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về phần thủ tục tố tụng cũng như về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 72, 92, 147, 161, 227, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nH yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T đối với ông Nguyễn Văn H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Văn H trả cho bà Vũ Thị T số tiền 113.280.000 đồng (một trăm mười ba triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng) trong đó nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ lãi 13.280.000 đồng.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H không thanh toán số tiền trên, thì ông H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Đình chỉ xét xử đối với phần khởi kiện tiền lãi phát sinh từ ngày 04/4/2020 đến ngày 04/9/2020 của bà T, do bà T rút một phần yêu cầu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Văn H phải chịu 5.664.000 đồng (năm triệu sáu trăm sáu mươi bốn ngàn đồng).

2.2. Hoàn trả cho bà Vũ Thị T 2.832.000 đồng (hai triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo biên lai thu số AA/2021/0006791 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nH:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Anh Tuấn